

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2024/LĐ-ST**
Ngày 25-9-2024
V/v: Tranh chấp về trợ cấp thôi việc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Khoe

2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 17/2024/TLST-LĐ ngày 12-4-2024 về việc “Tranh chấp về trợ cấp thôi việc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2024/QĐST-LĐ ngày 26-8-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-LĐ ngày 10-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: G Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Công ty TNHH M1.

Địa chỉ: 6 T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế M

Chức vụ: Giám đốc.

(Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty TNHH M1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Lê Thị B trình bày:

Bà làm công nhân may tại công ty TNHH M1 (gọi tắt là công ty) từ tháng 7/2005 đến ngày 01/4/2023 thì bà xin nghỉ việc và công ty Đ, ngày 01/4/2024 công

ty đã ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 03/04/QĐ/CDHĐLĐ với bà.

Sau khi bà chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu công ty trả tiền trợ cấp thôi việc nhưng công ty vẫn không trả cho bà. Bà không cung cấp được tiền lương thực lãnh nên bà yêu cầu tính trợ cấp thôi việc theo tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, tiền lương đóng bảo hiểm xã hội trong 6 tháng liền kề trước khi bà nghỉ việc là 5.200.000 đồng. Thời gian được tính trợ cấp thôi việc từ tháng 7/2005 đến ngày 31/12/2008 là 3,5 năm.

Tiền trợ cấp thôi việc cho bà là: $\frac{1}{2} \times 3,5 \text{ năm} \times 5.200.000 \text{ đồng} = 9.100.000 \text{ đồng}$.

Vậy, bà yêu cầu bị đơn là công ty TNHH M1 trả cho bà 9.100.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc.

Bà xin rút các yêu cầu khởi kiện: Buộc công ty thanh toán cho bà Btiền lương tháng 12/2022, tháng 01/2023 với tổng số tiền là 11.049.000 đồng; bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 37.884.000 đồng và công ty phải chốt sổ bảo hiểm xã hội.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn công ty TNHH M1 không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện: Buộc công ty thanh toán cho bà Btiền lương tháng 12/2022, tháng 01/2023 với tổng số tiền là 11.049.000 đồng; bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 37.884.000 đồng và công ty phải chốt sổ bảo hiểm xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu công ty TNHH M1 trả tiền trợ cấp thôi việc nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về trợ cấp thôi việc*”. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V. Do

đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn công ty TNHH M1.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút yêu cầu buộc công ty thanh toán cho bà B tiền lương tháng 12/2022, tháng 01/2023 với tổng số tiền là 11.049.000 đồng; bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 37.884.000 đồng và công ty phải chốt sổ bảo hiểm xã hội. Xét, việc rút các yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả 9.100.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc.

Bà Lê Thị Blà công nhân may tại công ty TNHH M1 theo Hợp đồng lao động, tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2005. Đến tháng 3 năm 2024 bà B xin nghỉ việc nên ngày 01/4/2023 giữa bà B và công ty C theo Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 03/04/QĐ/CDHĐLĐ ngày 01/4/2023 nên xác định bà B và công ty chấm dứt hợp đồng thuộc trường hợp thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động. Từ ngày 01-4-2023, công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà B đến nay đã 18 tháng nhưng công ty vẫn chưa thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho bà Blà vi phạm quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động 2019. Thời gian bà B chưa đóng bảo hiểm thất nghiệp tính từ 7/2005 đến ngày 31/12/2008 nên thời gian tính bà B được hưởng trợ cấp thôi việc là 3,5 năm.

Do bà B không cung cấp được lương thực lãnh nên bà căn cứ vào mức lương đóng bảo hiểm xã hội 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc là 5.200.000đ/tháng để tính trợ cấp thôi việc.

Xét thấy, yêu cầu này của bà là chính đáng nên căn cứ vào Điều 46 Bộ luật lao động 2019, bà B khởi kiện Công ty TNHH M1 phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc 9.100.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, buộc công ty TNHH M1 phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc 9.100.000 đồng cho bà Lê Thị B.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty TNHH M1 phải nộp án phí Dân sự có giá ngạch là 455.000 đồng (9.100.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm g Khoản 1 Điều 40, Khoản 2 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 46, Điều 48 Bộ luật Lao động.
- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn công ty TNHH M1 thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Thị B9.100.000đ (Chín triệu một trăm ngàn đồng) tiền trợ cấp thôi việc.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu buộc công ty thanh toán cho bà B tiền lương tháng 12/2022, tháng 01/2023 với tổng số tiền là 11.049.000 đồng; bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 37.884.000 đồng và công ty phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà B.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH M1 phải nộp 455.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự có mặt) hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ (đối với đương sự vắng mặt) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADStp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Thị Thanh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADStp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Thị Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADStp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải Lê Văn KLê Thị T

